TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 01-9-2020.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Văn Bình.

Ông Nguyễn Văn Dũng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Tưởng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị Thùy T, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã L, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Trương Thái T, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã L, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã L, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2020 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Đỗ Thị Thùy T, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T cưới nhau vào năm 2015, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện HN, tỉnh ĐT. Hôn nhân do quen biết trước được 02-03 năm. Sau khi cưới chị và anh T cùng sống chung với gia đình anh T, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân do

anh T không chịu lo làm ăn để lo cho gia đình, chỉ lo ăn chơi như đá gà và không quan tâm chị. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh T không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Thái T.

2. Về việc nuôi con: Chị và anh T chung sống với nhau không có con chung, hiện tại chị cũng không có mang thai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị và anh T chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị và anh T chung sống với nhau không có thiếu nợ cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn anh Trương Thái T đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Trung vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2020 người làm chứng bà Nguyễn Thị L, trình bày: Bà là mẹ ruột của anh T, mẹ chồng chị T và không có mâu thuẫn gì với anh T, chị T. Anh T đi làm cũng thường về nhà. Anh T, chị T cưới nhau do tự tìm hiểu trước. Sau khi cưới có về nhà bà sống thời gian rồi lên Thành phố Hồ Chí Minh làm. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh T thường xuyên cự cãi nhau, chị T cũng từng bỏ đi vài lần sau đó lại hàn gắn với anh T. Cách nay hơn 01 năm vợ chồng anh T mâu thuẫn gây gắt do anh T uống rượu say bà kêu chị T kêu anh T về nhà nhưng anh T không về nên vợ chồng cự cãi, chị T bỏ đi nhà người quen ngủ một đêm đến sáng hôm sau thì chị T dọn quần ao và nói với bà chị T đi nơi khác, không sống chung với anh T nữa. Bà có khuyên can chị T bỏ qua để hàn gắn với anh T nhưng chị T kiên quyết bỏ đi. Từ lúc chị T bỏ đi thì sui gia hai bên cũng không có gặp nhau nói chuyện. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì tùy chị T. Anh T, chị T chung sống với nhau không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Đỗ Thị Thùy T được ly hôn với anh Trương Thái T, vì anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt, không có lý do chứng tỏ anh T không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ. Về con chung, tài sản chung, nợ chung đều không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Đỗ Thị Thùy T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Trương Thái T và anh T hiện cư trú tại ấp A, xã L, huyện HN nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Trương Thái T và người làm chứng bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T, bà T vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên, bà T đã có lời khai với Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Thùy T và anh Trương Thái T được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 084/20215 quyển số 01/2015 ngày 12/8/2015 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tại phiên tòa chị Đỗ Thị Thùy T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Trương Thái T. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình chung sống chị T cho rằng chị và anh T chung sống không hạnh phúc, vì anh T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu nên chị và anh T không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay và cũng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử đã động viên chị T hàn gắn tình cảm với anh T nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn. Nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T vẫn không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa án hòa giải với chị T để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Đồng thời, người làm chứng bà Nguyễn Thị T cũng là mẹ ruột của anh T trình bày thì vợ chồng anh T thường xuyên cự cãi và không còn sống chung với nhau hơn 01 năm. Điều này, cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đỗ Thị Thùy T được ly hôn với anh Trương Thái T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Đỗ Thị Thùy T đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên nhân dân huyện Hồng Ngự có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Đỗ Thị Thùy T chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001297 ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Thùy T. Cho chị Đỗ Thị Thùy T được ly hôn với anh Trương Thái T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Thùy T chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001297 ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01 tháng 9 năm 2020) đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung